

**CÔNG TY TNHH TRUNG CHIẾN MACHINE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUNG CHIẾN MACHINE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNGCHIEN MACHINE CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300985094

**3. Ngày thành lập:** 05/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ấp Đồn, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0966323443

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh. | 7730     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 3.  | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2816     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | <p>Sản xuất máy chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất máy làm bột giấy;</p> <p>- Sản xuất máy làm giấy và giấy bìa;</p> <p>- Sản xuất máy sấy gỗ, bột giấy, giấy và giấy bìa;</p> <p>- Sản xuất máy sản xuất các sản phẩm từ giấy và giấy bìa;</p> <p>- Sản xuất máy làm cao su mềm hoặc nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của những nguyên liệu này như: Máy đẩy, đúc, bơm hơi lốp hoặc máy đập lại lốp xe và các máy khác cho việc làm sản phẩm nhựa hoặc cao su đặc biệt;</p> <p>- Sản xuất máy in và máy đóng sách và máy cho hoạt động hỗ trợ in, bao gồm máy cho in dệt và các nguyên liệu khác;</p> <p>- Sản xuất máy sản xuất chất bán dẫn;</p> <p>- Sản xuất người máy công nghiệp cho các mục đích khác nhau;</p> <p>- Sản xuất máy và thiết bị biến đổi khác nhau như:</p> <p>+ Sản xuất đèn điện, ống (van) hoặc bóng đèn,</p> <p>+ Sản xuất sản phẩm hoặc thủy tinh chịu nóng, sợi thủy tinh,</p> <p>+ Sản xuất máy móc cho việc tách chất đồng vị.</p> <p>- Sản xuất thiết bị liên kết và cân bằng lốp xe; thiết bị cân bằng khác;</p> <p>- Sản xuất hệ thống bôi trơn trung tâm;</p> | 2829        |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3312        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4321        |
| 7.  | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</p> <p>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</p> <p>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;</p> <p>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;</p> <p>- Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;</p> <p>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;</p> <p>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</p> <p>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;</p> <p>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</p> <p>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may;</p> <p>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.</p>                                                                                                                                                                                                 | 4659        |
| 8.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2732        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3320(Chính) |
| 10. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2620        |
| 11. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3314        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 12. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322                                                                |
| 13. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329                                                                |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610                                                                |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299                                                                |
| 16. | - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THÀNH TRUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/03/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 091856104

Ngày cấp: 17/02/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Bãi Pháo, Xã Khôi Kỳ, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Ấp Đồn, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH TRUNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *03/03/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *091856104*

Ngày cấp: *17/02/2016*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Thái Nguyên*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Bãi Pháo, Xã Khôi Kỳ, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Áp Đôn, Xã Yên Trung, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh*